



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

4. 5.

720. Abhikkantena vaṇṇena yā tvaṃ tiṭṭhasi devate,
obhāsentī disā sabbā osadhī viya tārakā.
721. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
722. Pucchāmi taṃ devi mahānubhāve
manussabhūtā kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvā
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
723. Sā devatā attamanā moggallānena pucchitā,
pañhaṃ puṭṭhā viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
724. Ahaṃ andhakavindasmiṃ¹ buddhassādiccabandhuno,
adāsīṃ kolasampākaṃ kañjikaṃ² teladhūpitaṃ.
725. Pippalyā lasunena³ ca missaṃ lāmañjakena⁴ ca,
adāsīṃ ujubhūtasmiṃ⁵ vippasannena cetasā.
726. Yā mahesitaṃ⁶ kāreyya cakkavattissa rājino,
nārī sabbaṅgakalyāṇī bhattu cānomadassikā,
etassa kañjikadānassa kamaṃ nāgghati⁷ soḷasiṃ.
727. Sataṃ nikkhā sataṃ assā sataṃ assatarī rathā,
sataṃ kaññāsahassāni āmuttamaṇikuṇḍalā,
etassa⁸ kañjikadānassa kamaṃ nāgghanti soḷasiṃ.
728. Sataṃ hemavatā nāgā isā dantā urūḷhavā,
suvaṇṇakacchā mātaṅgā hemakappanavāsasā,⁹
etassa¹⁰ kañjikadānassa kamaṃ nāgghanti soḷasiṃ.
729. Catunnamapi¹¹ dīpānaṃ¹² issaraṃ yodha kāraye,
etassa² kañjikadānassa kamaṃ nāgghati¹³ soḷasiṃ 'ti.

Kañjikadāyikāvimānaṃ.

¹ andhakavindamhi - Ma.

² kañjiyaṃ - katthaci.

³ lasuṇena - Ma, Syā, PTS.

⁴ sāmajjakena - Syā.

⁵ ujubhūtesu - katthaci.

⁶ mahesitaṃ - Syā.

⁷ nāgghanti - Syā.

⁸ ekassa - Ma.

⁹ hemakappanivāsasā - Syā.

¹⁰ ekassa - Ma.

¹¹ catunnampi - Syā; catunnampi ca - katthaci.

¹² padīpānaṃ - Syā.

¹³ nāgghanti - Syā.

4. 5.

720. “Hỡi nàng tiên, nàng đứng, với màu da tuyệt vời, khiến cho tất cả các phương sáng rực lên, ví như ngôi sao *osadhī*.

721. Do điều gì mà màu da của nàng được như vậy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho nàng ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý được sanh lên cho nàng?

722. Hỡi nàng tiên có đại oai lực, ta hỏi nàng, khi là con người nàng đã làm việc phước gì? Do điều gì mà nàng có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của nàng chiếu sáng tất cả các phương?”

723. Nàng tiên ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, nàng đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

724. “Ở Bārāṇasī, tôi đã dâng đến đức Phật, đấng thân quyền của mặt trời, món cháo chua nấu chung với táo và đã được gia vị đầu ăn.

725. Với tâm ý tịnh tín ở con người chính trực, tôi đã dâng cúng (món cháo) đã được trộn với loại tiêu dài, với củ tỏi, và với (rễ cỏ) *lāmañjaka*.

726. Người phụ nữ nào hành xử vị thế chánh hậu của đức vua Chuyển Luân, có vẻ kiêu diễm ở toàn bộ các phần cơ thể, và được xem là hoàn hảo đối với người chồng, (cũng) không giá trị bằng một phần mười sáu của sự dâng cúng cháo chua này.

727. Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ (trang điểm) với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, (cũng) không giá trị bằng một phần mười sáu của sự dâng cúng cháo chua này.

728. Một trăm con voi giống Hi-mã-lạp, có ngà như gọng xe, vững chải, có chuông vàng, là loài long tượng có trang phục với yên cương bằng vàng, (cũng) không giá trị bằng một phần mười sáu của sự dâng cúng cháo chua này.

729. Người nào có thể hành xử vương quyền ở nơi đây, thậm chí đối với bốn châu lục, (cũng) không giá trị bằng một phần mười sáu của sự dâng cúng cháo chua này.”

Thiên Cung của Người Nữ Bố Thí Cháo Chua.